

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỤC NAM
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 27/2025/HS-ST
Ngày 26-3-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Oanh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Yến, chức vụ: Giáo viên nghỉ hưu và bà Đỗ Thị Hoài Mơ, chức vụ: Chủ tịch Hội bảo vệ quyền trẻ em huyện Lục Nam.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Thị Trung, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Cường, Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm kín vụ án hình sự thụ lý số: 21/2025/TLST-HS ngày 24 tháng 02 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2024/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 3 năm 2025 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Xuân T**, sinh năm 2002 tại xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Tên gọi khác: Không.

Nơi ĐKKHKT: Thôn C, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang; Nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; đảng, đoàn thể: không; con ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1972; con bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1974; vợ: Trần Thị Ánh N, sinh ngày 17/02/2006 (chưa đăng ký kết hôn), con: Có một con sinh năm 2022; Tiền án, tiền sự: Chưa có.

Nhân thân: Ngày 22/8/2021, Nguyễn Xuân T bị Công an xã B xử phạt hành chính, hình thức phạt tiền về hành vi “Trộm cắp tài sản”, đã chấp hành xong ngày 06/01/2022.

- Bị cáo bị bắt để tạm giam từ ngày 08/11/2024 đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam, Công an tỉnh B, bị cáo được trích xuất, có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Chị Trần Thị Ánh N, sinh ngày 17/02/2016; địa chỉ: Thôn V, xã H, huyện L, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1972; địa chỉ: Thôn C, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang (có mặt).

+ Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1974; địa chỉ: Thôn C, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang (có mặt).

+ Bà Phạm Thị T1, sinh năm 1947; địa chỉ: Thôn V, xã H, huyện L, tỉnh Bắc

Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 5 năm 2021, bị cáo Nguyễn Xuân T đi chơi và làm quen với chị Trần Thị Ánh N, sinh ngày 17/02/2006 trú tại thôn V, xã H, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Sau đó T dùng tài khoản mạng xã hội Facebook “Nguyễn Xuân T”, kết bạn với tài khoản mạng xã hội Facebook “Trần Thị N” để nói chuyện, tìm hiểu nhau. Quá trình nói chuyện thì T và N phát sinh tình cảm yêu nhau. Trong tháng 9 năm 2021, T đã 03 lần quan hệ tình dục với N, cụ thể:

Lần thứ nhất: Khoảng 14 giờ ngày 05/9/2021, T rủ N về nhà T ở thôn C, xã B, huyện L chơi, lúc này nhà T không có ai ở nhà. Sau đó T đưa N vào phòng ngủ của T ở bên tay trái hướng từ cửa chính nhà T nhìn vào. Khi vào trong phòng T đóng cửa phòng lại rồi T và N cùng ngồi trên giường nói chuyện, quá trình nói chuyện T ôm hôn N rồi cả hai cùng nằm ra giường, N nằm bên trong T nằm bên ngoài. Khi hôn thì T dùng tay phải sờ vào ngực của N, lúc sau N và T tự cởi quần áo của mình ra, rồi T chủ động nằm lên người Nguyệt và đưa dương vật đang cương cứng vào trong âm đạo của N để quan hệ tình dục. Khoảng 15 phút sau thì T xuất tinh vào bên trong âm đạo của N. Sau khi quan hệ tình dục xong, T và N mặc quần vào rồi cùng nhau nằm ngủ. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày thì T đưa N về nhà.

Lần thứ hai: Khoảng 15 giờ ngày 16/9/2021, T đến nhà đón N lên nhà T chơi. Khi về nhà T không có ai ở nhà, T đưa N vào phòng ngủ của T nói chuyện. Khi vào phòng T và N cùng nằm ra giường, N nằm trong T nằm ngoài, sau đó T dùng tay phải sờ ngực N rồi cả hai tự cởi quần của mình ra để quan hệ tình dục. Khoảng 20 phút sau thì T xuất tinh vào bên trong âm đạo của N, sau đó N và T tự mặc quần áo vào và ôm nhau ngủ. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày thì T đưa N về nhà.

Lần thứ ba: Khoảng 09 giờ sáng một ngày khoảng cuối tháng 9 năm 2021 (T và N không nhớ rõ ngày nào), T xuống nhà N đón N lên nhà T chơi. Đến khoảng 14 giờ cùng ngày T và N vào phòng ngủ của T ngồi nói chuyện, sau đó T và N ôm hôn nhau rồi cả hai cùng nằm xuống giường, T dùng tay phải sờ ngực của N, sau đó cả hai tự cởi quần áo ra để quan hệ tình dục. Khoảng 20 phút sau thì T xuất tinh vào bên trong âm đạo của N, sau đó T đưa N về nhà.

Đến khoảng cuối tháng 10 năm 2021, N báo cho T biết việc N có thai. Đến ngày 20/6/2022 thì N sinh một bé gái tại Bệnh viện S và đặt tên là Trần Thùy T2. Sau khi N sinh con, gia đình T biết đã đến đón N và cháu T2 về nhà T sinh sống. Ngày 04/9/2024, chị N đến Công an xã H, huyện L làm thủ tục nhập khẩu thì bị phát hiện. Công an xã H, huyện L đã báo cáo và chuyển tài liệu cho Cơ quan CSĐT Công an huyện L để giải quyết theo quy định.

Cơ quan CSĐT Công an huyện L đã tiến hành xác định hiện trường, kết quả: Hiện trường nơi xảy ra tại khu vực nhà cũ của gia đình ông Nguyễn Văn M (bố đẻ của T), sinh năm 1972, trú tại thôn C, xã B, huyện L. Phía Nam giáp với nhà ở của ông Nguyễn Văn H1, sinh năm 1976; Phía Tây giáp khu đất vườn, kế tiếp là khu vực đường liên

thôn C, xã B; Phía Bắc giáp khu vực nhà ở hiện nay của gia đình ông Nguyễn Văn M; Phía Đông giáp khu vực nhà ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1965. Nhà ở của gia đình ông Nguyễn Văn M được xây dựng dạng nhà cấp 4. Trong nhà theo chiều từ T3 sang Đông lần lượt gồm 02 phòng là phòng khách và phòng ngủ. Nhà có 01 cửa ra vào chính mở hướng Bắc kích thước (2,3 x 1,17) m, cửa gỗ chấn song kim loại mở vào trong, phía trong cửa chính ra vào là phòng khách. Phòng khách thông với phòng ngủ bằng 01 cửa kích thước (1,83 x 0,67) m. Phòng ngủ có 01 cửa ra vào mở hướng Tây thông với hiên nhà, kích thước (2,07 x 0,76) m. Phòng ngủ kích thước (5,85 x 3) m, phòng có lát gạch màu trắng xám, tại góc phòng phía Đông Nam theo lời trình bày của Nguyễn Văn T4 tại thời điểm xảy ra vụ việc có kê 01 giường gỗ, ký hiệu vị trí (1), tại giường vị trí (1), Nguyễn Xuân T đã thực hiện hành vi giao cấu với chị Trần Thị Ánh N. Tại thời điểm xảy ra vụ việc, giường được kê sát mép tường phía Nam, đầu giường quay hướng Đ1, kê sát mép tường phía Đông.

Cơ quan CSĐT Công an huyện L đã thu giữ: Mẫu tóc của chị Trần Thị Ánh N; cháu Trần Thùy T2 và Nguyễn Xuân T gửi giám định. Tại kết luận giám định ADN số 7271/KL-KTHS ngày 21/10/2024 của V Bộ C, kết luận:

1. Trần Thị Ánh N có quan hệ huyết thống mẹ đẻ - con đẻ với Trần Thùy T2.
2. Nguyễn Xuân T có quan hệ huyết thống cha đẻ - con đẻ với Trần Thùy T2
3. Lưu các kiểu gen (ADN) phân tích được tại V (BL 36-39; 42-42).

Về trách nhiệm dân sự: Chị N không yêu cầu T bồi thường và có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho T.

Tại cơ quan điều tra, Nguyễn Xuân T thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Tại bản cáo trạng số: 27/CT-VKS ngày 21/02/2025 Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam đã truy tố bị cáo Nguyễn Xuân T về tội “*Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi*” theo quy định tại điểm a, d khoản 2 Điều 145 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thừa nhận cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố là đúng người, đúng tội, bị cáo không bị oan. Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- *Bị cáo Nguyễn Xuân T trình bày:* Bị cáo và chị N có quen biết nhau qua mạng xã hội và có quan hệ yêu đương. Từ ngày 05/9/2021 đến cuối tháng 9 năm 2021, giữa bị cáo và chị N đã thực hiện hành vi quan hệ tình dục 03 lần, tất cả những lần này chị N đều tự nguyện, bị cáo không ép buộc chị N, sau đó chị N có thai và ngày 20/6/2022 chị N đã sinh cháu Trần Thùy T2. Bị cáo nhận thức được hành vi của bị cáo là sai, vi phạm pháp luật, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Trong thời gian bị tạm giam, bị cáo có nhờ gia đình bồi thường cho chị N số tiền là 10.000.000 đồng. Chị N đã nhận đủ số tiền là 10.000.000 đồng và không yêu cầu bồi thường thêm.

- *Ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị H trình bày:* Ông bà là bố mẹ đẻ của bị cáo T, những lần T đưa N về nhà ông bà và thực hiện hành vi quan hệ tình dục tại nhà ông bà thì ông bà đều không biết. Khi T nói chuyện với ông bà về việc N có thai thì ông bà đã đến nhà N xin phép đón N về nhà chăm sóc và N đã sinh cháu Trần Thùy T2 tại gia đình ông bà. Hiện nay ông bà vẫn đang chăm sóc cháu T2. Ông bà đã tự N thay

mặt T bồi thường cho N số tiền là 10.000.000 đồng, N không yêu cầu bồi thường thêm. Ông bà không yêu cầu T phải trả lại cho ông bà số tiền 10.000.000 đồng.

Sau phần xét hỏi, tại phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam đã phát biểu lời luận tội đối với bị cáo, phân tích tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi mà bị cáo đã thực hiện, nhân thân bị cáo, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo đã giữ nguyên quan điểm như Cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng: Điểm a, d khoản 2 Điều 145; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Xuân T từ 03 năm tù đến 03 năm 06 tháng tù về tội “*Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi*”. Thời hạn tù tính từ ngày 08/11/2024.

Về án phí: Bị cáo Nguyễn Xuân T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi và quyết định của những người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Trước cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản cáo trạng đã truy tố. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của đại diện hợp pháp của bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ mà cơ quan điều tra đã thu thập được thể hiện trong hồ sơ vụ án về thời gian, địa điểm và diễn biến của quá trình bị cáo thực hiện hành vi phạm tội. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận:

Khoảng tháng 5 năm 2021, Nguyễn Xuân T làm quen và nảy sinh tình cảm yêu đương với chị Trần Thị Ánh N, sinh ngày 17/02/2006 trú tại thôn V, xã H, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Trong tháng 9 năm 2021, tại phòng ngủ nhà ở của T ở thôn C, xã B, huyện L, T đã 03 lần quan hệ tình dục với chị N vào các ngày 05/9/2021, ngày 16/9/2021 và một ngày cuối tháng 9/2021 làm N có thai. Ngày 20/6/2022, chị N sinh con lấy tên Trần Thùy T2.

[3] Xét tính chất của vụ án: Vụ án này có 01 bị cáo phạm tội với lỗi **vô ý**, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã trực tiếp xâm phạm tới chính sách phòng chống tệ nạn xã hội, trật tự an toàn xã hội, thuần phong mỹ tục của dân tộc và là tác nhân gây ra nhiều căn bệnh xã hội nguy hiểm. Trong các ngày 05/9/2021, ngày 16/9/2021 và một ngày cuối tháng 9/2021, Nguyễn Xuân T đã 03 lần thực hiện hành vi quan hệ tình dục với Trần Thị Ánh N, sinh ngày 17/02/2006, làm N có thai. Ngày 20/6/2022, chị N sinh con lấy tên Trần Thùy T2.

Do vậy, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi*” theo quy định tại điểm a, d khoản 2 Điều 145 Bộ luật Hình sự. Như vậy, cần phải có mức hình phạt nghiêm khắc tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo để giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[5] Về nhân thân: Ngày 22/8/2021, Nguyễn Xuân T bị Công an xã B xử phạt hành chính, hình thức phạt tiền về hành vi “Trộm cắp tài sản”, đã chấp hành xong ngày 06/01/2022.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã tác động người thân tự nguyện bồi thường cho gia đình bị hại số tiền 10.000.000 đồng và bị hại đã có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo có ông nội được Nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhì.

Bên cạnh đó, bị cáo xuất thân từ thành phần con em nông dân, hiểu biết pháp luật còn hạn chế, mối quan hệ của bị cáo và N là xuất phát từ tình cảm yêu đương. Sau khi N có thai thì bị cáo và gia đình đã đón N về sinh sống và chăm sóc hai mẹ con N, hiện tại cháu Trần Thùy T2 vẫn do gia đình bị cáo T trực tiếp chăm sóc hàng ngày.

Do vậy, cần áp dụng Điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi quyết định hình phạt.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Sau khi sự việc xảy ra, bị cáo T thấy rõ được trách nhiệm của mình nên đã tác động người thân tự nguyện bồi thường số tiền 10.000.000 đồng cho bị hại. Bị hại đã nhận đủ số tiền 10.000.000 đồng của gia đình bị cáo và không yêu cầu bồi thường gì khác. Hội đồng xét xử thấy việc bồi thường là do các bên hoàn toàn tự nguyện nên cần ghi nhận sự tự nguyện này.

[8] Hiện nay, bị cáo đang bị tạm giam, để đảm bảo cho việc thi hành án, HĐXX thấy cần tiếp tục tạm giam bị cáo là phù hợp với Điều 329- BLTTHS.

[9] Đối với ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị H không biết việc bị cáo T và Nguyệt thực hiện hành vi quan hệ tình dục tại nhà mình nên Cơ quan cảnh sát điều tra không có căn cứ xử lý, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận.

[10] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Xuân T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[11] Quyền kháng cáo: Bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. *Áp dụng:* Điểm a, d khoản 2 Điều 145; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự.

2. *Xử phạt:* Bị cáo Nguyễn Xuân T 03 (ba) năm tù về tội “*Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi*”, thời hạn tù tính từ ngày 08/11/2024.

3. *Về án phí:* Căn cứ Điều 135, 136 - BLTTHS và khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Xuân T phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, 332 và 333- BLTTHS

Bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lục Nam;
- Chi Cục THADS huyện Lục Nam;
- Sở Tư pháp tỉnh Bắc Giang;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: VP, Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Ngọc Oanh